TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 10/4/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Đức Bính
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989, ĐKHKTT: xóm 8A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở hiện nay: xóm 7A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984, ĐKHKTT và trú tại: xóm 8A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 8A, xã C, là quê của anh Chính. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị Hoa và anh Chính đã sống ly thân từ năm 2012.

Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị H cho rằng: nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C rượu chè về đánh đập chị, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù chị và hai bên gia đình đã tìm mọi cách khắc phục nhưng không có kết quả; nên cuối năm 2012 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7A, xã C sống ly thân với anh C từ đó đến nay anh chị khôngcòn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, vợ

chồng không thể chung sống với nhau được nữa; Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chính để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu sẽ được tiếp tục nuôi con chung; không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn C trong bản tự khai xác định: anh và chị Hoa đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm 8A, xã C. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị H tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở; vợ chồng sống ly thân đã lâu tình cảm vợ chồng không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị H theo quy định của pháp luật, do anh là người theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con mà anh không phải đóng góp tiền nuôi con như chị H yêu cầu. Nếu chị H không nuôi được con thì anh sẽ nuôi và cũng không yêu cầu chị H không phải đóng góp tiền nuôi con với anh.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết

Do anh C bận công việc, không thể tham gia tố tụng, vì vậy anh đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008; anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn C, cư trú tại xóm 8A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng

quy định của pháp luật và đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân thì chị H xác định mâu thuẫn do anh C rượu chè về đánh đập chị, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con; anh C cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không nêu rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Như vậy, chị H và anh C đều khẳng định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; anh C không xác định rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là gì nhưng cũng không phản bác lại quan điểm của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có hành vi bạo lực với chị H, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, còn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật vì tôn giáo anh theo không cho phép tín đồ ly hôn căn; cứ khoản 2 điều 92 BLTTDS đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh C chị H là do bất đồng quan điểm lối sống, bạo lực gia đình như chị H trình bày là có căn cứ. Cả anh C và chị H đều xác định hiện vợ chồng không còn tình cảm. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh C tại UBND xã C là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7A, xã C từ nhiều năm nay.

Từ những phân tích nêu trên căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh C hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh C và chị H chỉ có một con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con; về phía anh C cũng đồng ý với yêu cầu của chị H. Thực tế từ khi sống ly thân từ cuối năm 2012, con chung của vợ chồng do chị H một mình nuôi dưỡng từ đó đến nay không có sự đóng góp của anh C. Mặc dù đã được giải thích nhưng chị H vẫn xác định chị đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên mà không cần sự đóng góp của anh C. Vì vậy, việc yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không có sự đóng góp cấp dưỡng nuôi con của anh C được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2/ Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 09/12/2008. Anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002969 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thế Anh
(Đã ký)